

PHÂN TÍCH RỦI RO NGƯỜI NỘP THUẾ TẠI VIỆT NAM: KẾT QUẢ, THÁCH THỨC VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUẢN LÝ

TS. Cao Tấn Huy*

Trong bối cảnh môi trường thuế ngày càng phức tạp với sự gia tăng mạnh mẽ của các giao dịch điện tử, việc áp dụng phương pháp phân tích rủi ro người nộp thuế trở thành yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế. Dựa trên khung quản lý rủi ro tuân thủ của Tổ chức Hợp tác Phát triển kinh tế (OECD) trong môi trường công nghệ, nghiên cứu thực hiện đánh giá thực trạng phân tích rủi ro tại các cơ quan thuế Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, việc áp dụng quản lý thuế dựa trên rủi ro tích hợp công nghệ hiện đại mang lại một số kết quả tích cực như tăng khả năng phát hiện người nộp thuế vi phạm pháp luật thuế dựa trên việc phân loại đối tượng kiểm tra thuế theo mức độ rủi ro và nâng cao hiệu quả quản lý thuế thông qua kết hợp hài hòa giữa biện pháp cưỡng chế và các khuyến khích tự nguyện. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra các thách thức như chất lượng dữ liệu chưa đồng bộ, năng lực ứng dụng công nghệ khai phá dữ liệu còn hạn chế, mô hình phân tích rủi ro còn bất cập và cơ chế chia sẻ thông tin liên ngành chưa hoàn thiện. Trên cơ sở đó, nghiên cứu rút ra một số bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng và phát triển quy trình và mô hình phân tích rủi ro người nộp thuế cho cơ quan thuế Việt Nam, qua đó, góp phần tăng cường tuân thủ thuế tự nguyện và tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực kiểm tra.

• Từ khóa: phân tích rủi ro, người nộp thuế, khai phá dữ liệu, quản lý thuế.

In the context of an increasingly complex tax environment and the rapid growth of electronic transactions, the application of taxpayer risk analysis methods has become essential to enhance the effectiveness and efficiency of tax administration. Based on the OECD compliance risk management framework adapted to technological environments, this study evaluates the current practices of taxpayer risk analysis by Vietnamese tax authorities. The findings reveal that the application of risk-based tax management, integrated with modern technologies, has generated positive outcomes, including improved detection of taxpayers in breach of tax laws through risk-based audit selection and enhanced tax administration effectiveness by harmonizing coercive measures and voluntary compliance incentives. However, the study also identifies challenges, including inconsistent data quality, limited capacity in data mining technology applications, inadequacies in risk analysis models, and incomplete mechanisms for inter-agency information sharing. Accordingly, the study derives several lessons for developing and refining the taxpayer risk analysis process and model for Vietnamese tax authorities, thereby contributing to the strengthening of voluntary tax compliance and the optimization of audit resource allocation efficiency.

• Key words: risk analysis, taxpayer, data mining, tax administration.

Ngày nhận bài: 22/7/2025

Ngày gửi phản biện: 08/7/2025

Ngày duyệt đăng: 11/10/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i300.20>

Giới thiệu

Trong bối cảnh kinh tế số và toàn cầu hóa phát triển mạnh mẽ, dữ liệu thuế ngày càng đồ sộ và phức tạp, khiến phương thức kiểm tra thuế thủ công, dàn trải không còn phù hợp. Cơ quan thuế cần chuyển sang quản lý rủi ro người nộp thuế (NNT) dựa trên đánh giá rủi ro và ứng dụng công nghệ hiện đại.

Theo Alm (2019), quản lý rủi ro NNT là xu hướng tất yếu trong quản lý thuế hiện đại, giúp nâng cao hiệu quả và mức độ tuân thủ thuế. Tiếp cận truyền thống dựa trên lý thuyết răn đe kinh tế (Allingham & Sandmo, 1972), coi NNT là cá nhân duy lý, có xu hướng trốn thuế nếu lợi ích vượt quá chi phí bị phát hiện và xử phạt. Vì vậy, tăng cường thanh tra, kiểm tra và chế tài được xem là biện pháp hạn chế rủi ro không tuân thủ.

Ngược lại, quan điểm hiện đại nhấn mạnh yếu tố tâm lý - xã hội trong hành vi tuân thủ, đề cao minh bạch và niềm tin giữa NNT và cơ quan thuế (Kirchler, 2007; Torgler, 2011). OECD (2010) cho rằng sự kết hợp hài hòa giữa biện pháp cưỡng chế và khuyến khích tự nguyện là hướng đi hiệu quả trong quản lý rủi ro thuế.

* Trường Đại học Tài chính - Marketing; email: caohuy@ufm.edu.vn

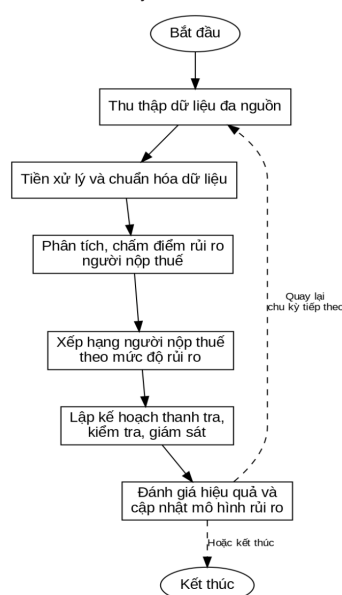
Thực tiễn tại nhiều quốc gia cho thấy, chiến lược quản lý thuế dựa trên rủi ro (risk-based tax management) đã trở thành trọng tâm của hệ thống thuế hiện đại (OECD, 2004). Tuy nhiên, đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, việc xây dựng hệ thống đánh giá rủi ro hiệu quả vẫn là thách thức lớn do hạn chế về dữ liệu, hạ tầng công nghệ và năng lực phân tích.

Thực trạng quản lý thuế dựa trên phân tích rủi ro người nộp thuế tại các cơ quan thuế Việt Nam

Tại Việt Nam, quản lý rủi ro NNT đã được thể chế hóa và từng bước triển khai thực tiễn thông qua Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn (Nguyen & Doan, 2022). Thông tin sử dụng để đánh giá rủi ro được thu thập từ nhiều nguồn nội bộ và bên ngoài, xử lý tập trung qua hệ thống CNTT của Tổng cục Thuế. Trên cơ sở đó, cơ quan thuế thực hiện đánh giá mức độ tuân thủ, phân loại rủi ro của NNT một cách tự động, định kỳ bằng các tiêu chí đã thiết lập (Nguyen & Nguyen, 2021). Kết quả đánh giá tuân thủ và phân hạng rủi ro sau đó được sử dụng để cơ quan thuế đưa ra quyết định quản lý như lựa chọn NNT để thanh tra, kiểm tra hoặc giám sát; đồng thời xây dựng các kế hoạch nâng cao tuân thủ phù hợp với từng nhóm NNT theo đặc điểm vi phạm, nguyên nhân và quy mô rủi ro. Quy trình này được vận hành thống nhất trong toàn ngành, đảm bảo tính khách quan và nhất quán, và kết quả thực hiện các biện pháp quản lý theo mức rủi ro cũng được cập nhật để hoàn thiện hệ thống đánh giá trong những chu kỳ sau.

Đáng chú ý, Bộ Tài chính đã ban hành bộ tiêu chí và chỉ số phân tích rủi ro theo Quyết định số 18/QĐ-TCT ngày 12/01/2023, bao gồm 18 tiêu chí đánh giá tình trạng tuân thủ của doanh nghiệp, mỗi tiêu chí được gán trọng số và thang điểm từ 0 đến 6 (0 là rủi ro thấp nhất, 6 là rủi ro cao nhất) (Pham & Tran, 2023). Các tiêu chí bao quát nhiều khía cạnh về tình hình của NNT như: lĩnh vực hoạt động kinh doanh, việc kê khai nộp các sắc thuế chính (thuế TNDN, thuế GTGT, thuế TTDB), tình hình hưởng ưu đãi miễn giảm thuế, biến động số liệu trên báo cáo tài chính, lịch sử vi phạm hành chính về thuế, ý kiến của kiểm toán độc lập. Hệ thống phân tích sẽ tính toán tổng điểm rủi ro cho từng NNT dựa trên các tiêu chí này; điểm rủi ro tổng hợp càng cao thể hiện NNT càng tiềm ẩn nguy cơ không tuân thủ cao. Toàn bộ quá trình thu thập thông tin và chấm điểm rủi ro đã được tin học hóa thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu tập trung (như hệ thống TMS của ngành Thuế) giúp phân tích nhanh một khối lượng lớn NNT và cập nhật kịp thời khi có thông tin mới (Nguyen & Nguyen, 2021). Quy trình lựa chọn NNT để thanh, kiểm tra thuế dựa trên phân tích rủi ro được khái quát theo quy trình Hình 1.

Hình 1. Quy trình lựa chọn người nộp thuế để thanh, kiểm tra thuế



Kết quả phân tích rủi ro cho phép cơ quan thuế phân loại NNT theo các mức độ rủi ro (cao, trung bình, thấp hoặc các cấp độ chi tiết hơn), từ đó áp dụng cách thức quản lý tương ứng. Những NNT được xếp hạng rủi ro cao sẽ được đưa vào diện trọng điểm để giám sát, thanh tra thuế. Thực tế cho thấy, với bộ tiêu chí hiện hành, nhiều trường hợp doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro cao đã được kịp thời phát hiện. Chẳng hạn, một doanh nghiệp báo lỗ 3 năm liên tiếp nhưng vẫn mở rộng kinh doanh nhanh chóng sẽ bị chấm điểm rủi ro cao với trọng số lớn theo tiêu chí rủi ro, qua đó lọt vào danh sách cần thanh tra (Nguyen và cộng sự, 2023). Đồng thời, những NNT tuân thủ tốt sẽ được giảm tần suất kiểm tra, tập trung vào hỗ trợ và khuyến khích tuân thủ, nhằm tạo động lực nâng cao ý thức chấp hành (Pham & Tran, 2023). Cách tiếp cận phân loại này vừa đảm bảo tập trung nguồn lực vào nơi cần thiết, vừa tránh gây phiền hà không đáng có cho những NNT chấp hành tốt, qua đó nâng cao mức độ hài lòng và hợp tác của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan thuế. Qua khảo sát thực trạng phân tích rủi ro NNT để lựa chọn đối tượng thanh, kiểm tra thuế chỉ ra một số kết quả đạt được chủ yếu như sau:

Thứ nhất, quy trình phân tích rủi ro NNT đề xuất đảm bảo tính phù hợp với bối cảnh và yêu cầu quản lý thuế tại Việt Nam. Việc xây dựng tiêu chí rủi ro dựa trên dữ liệu lịch sử và đặc điểm của NNT trong nước giúp mô hình phản ánh đúng những rủi ro phổ biến và trọng yếu ở Việt Nam. Chẳng hạn, các tiêu chí về biến động bất thường trong kê khai thuế GTGT hay việc lợi dụng chính sách ưu đãi thuế cũng được thiết kế riêng cho bối cảnh Việt Nam, nơi các hiện tượng này tương

đôi phổ biến. Nhờ đó, khung phân tích rủi ro vừa dựa trên thông lệ quốc tế tốt, vừa được điều chỉnh phù hợp với khuôn khổ pháp lý và môi trường kinh doanh trong nước. Điều này giúp quy trình phân tích có tính khả thi và hiệu quả khi triển khai, đáp ứng đúng mục tiêu cải cách và hiện đại hóa quản lý thuế ở Việt Nam.

Thứ hai, quy trình này góp phần nâng cao tính hữu hiệu của công tác quản lý thuế, thể hiện qua việc nâng cao mức độ tuân thủ và giảm thiểu vi phạm của NNT. Khi áp dụng phân tích rủi ro, cơ quan thuế có thể nhận diện chính xác hơn các hành vi gian lận, trốn thuế tinh vi để tập trung thanh tra, kiểm tra trọng điểm, nhờ đó xử lý kịp thời những trường hợp vi phạm lớn. Đồng thời, việc phân loại rủi ro cho phép điều chỉnh biện pháp quản lý phù hợp với từng nhóm đối tượng. Chiến lược “phân đoạn” NTT này được chứng minh là làm tăng hiệu quả tuân thủ chung của hệ thống thuế (Alm, 2019; Kirchler, 2007). Bên cạnh đó, mô hình còn giúp nâng cao tính rắn chắc khi NTT biết rằng cơ quan thuế có công cụ giám sát hiệu quả, sẽ phải cân nhắc kỹ hơn, từ đó phòng ngừa vi phạm ngay từ đầu.

Thứ ba, quy trình đề xuất góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thuế. Nhờ ứng dụng công nghệ và quy trình tự động, mô hình cho phép xử lý khối lượng dữ liệu rất lớn về NNT một cách nhanh chóng, giảm bớt sự can thiệp thủ công, qua đó tiết kiệm nguồn lực đáng kể cho cơ quan thuế. Việc tập trung thanh tra, kiểm tra vào nhóm rủi ro cao giúp sử dụng hiệu quả nhân lực hiện có, tránh lãng phí thời gian vào những đối tượng ít có khả năng vi phạm (Nguyễn và cộng sự, 2023). Ngoài ra, quy trình còn góp phần giảm chi phí tuân thủ cho xã hội nói chung, chẳng hạn, việc NNT tuân thủ tốt ít bị thanh tra hơn sẽ giảm được thời gian và nguồn lực phải bỏ ra để đáp ứng các thủ tục kiểm tra của cơ quan thuế. Khi việc lựa chọn đối tượng thanh tra được dựa trên phân tích rủi ro khách quan thay vì xét duyệt chủ quan, các doanh nghiệp sẽ cảm thấy cạnh tranh lành mạnh hơn và tin tưởng vào chính sách thuế hơn.

Thách thức trong phân tích rủi ro người nộp thuế tại Việt Nam

Mặc dù quy trình phân tích rủi ro người nộp thuế đã được xây dựng và triển khai ở Việt Nam trong thời gian khá dài nhưng qua khảo sát thực tiễn việc lựa chọn NNT của cơ quan thuế vẫn cho thấy một số thách thức trong quá trình áp dụng:

Thứ nhất, chất lượng dữ liệu đầu vào còn nhiều hạn chế. Nguồn dữ liệu phục vụ phân tích rủi ro hiện nay chủ yếu dựa trên hồ sơ nội bộ ngành thuế, trong khi dữ liệu từ các cơ quan liên quan như ngân hàng, hải quan, đăng ký kinh doanh chưa được tích hợp đầy đủ và kịp thời (Nguyễn & Nguyễn, 2021). Tình trạng dữ liệu

không đầy đủ, thiếu cập nhật hoặc không đồng bộ làm giảm hiệu quả của các thuật toán phân tích và mô hình dự báo rủi ro. Kết quả khảo sát cho thấy một số hạn chế do nguồn dữ liệu đầu vào như (i) có sự chênh lệch về số liệu đăng ký hộ kinh doanh giữa cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế; (ii) chưa hoàn thành công tác xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế cho NNT theo quy định do thiếu dữ liệu lịch sử được lưu trữ một cách có hệ thống; (iii) trường hợp, cán bộ thuế nhận thấy NNT có dấu hiệu rủi ro về hoá đơn, về tình hình hoạt động, thường phải đến trụ sở NNT để xác minh dẫn đến tốn kém nhiều thời gian và công sức.

Thứ hai, năng lực ứng dụng công nghệ khai phá dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và các công cụ phân tích tiên tiến trong cơ quan thuế còn hạn chế. Nghiên cứu của Phạm và Tran (2023) chỉ ra rằng, dù hệ thống CNTT ngành thuế đã có những bước phát triển, nhưng việc ứng dụng học máy, AI vào đánh giá rủi ro mới chỉ ở mức thử nghiệm, chủ yếu tập trung tại Cục Thuế, còn các cơ quan thuế địa phương phần lớn vẫn dựa vào phương pháp truyền thống và kinh nghiệm chủ quan. Hiện cơ quan thuế đang áp dụng phương pháp kiểm tra thuế dựa trên phân tích rủi ro (TPR) với tỷ lệ 80%-85% và từ 15%-20% lựa chọn NNT có rủi ro cao, có dấu hiệu trốn thuế, gian lận thuế, khai sai số thuế phải nộp dựa trên kinh nghiệm quản lý thuế. Đặc biệt, công tác quản lý thu, chống thất thu thuế từ kinh doanh thương mại điện tử còn hạn chế, còn nhiều trường hợp cá nhân và hộ kinh doanh thương mại điện tử có doanh thu trên 100 triệu đồng chưa được rà soát, yêu cầu kê khai và nộp thuế theo quy định.

Thứ ba, còn khoảng cách giữa thiết kế mô hình rủi ro và khả năng thực thi trong thực tế. Một số tiêu chí rủi ro tuy được thiết kế theo thông lệ quốc tế nhưng chưa hoàn toàn phù hợp với điều kiện Việt Nam, dẫn đến việc xếp hạng rủi ro đôi khi chưa phản ánh chính xác thực trạng tuân thủ của NNT (Nguyễn & Doan, 2022). Ngoài ra, cơ chế phản hồi, cập nhật lại mô hình từ kết quả thanh tra, kiểm tra thực tế còn chưa được tổ chức bài bản, khiến mô hình không được điều chỉnh kịp thời trước những thay đổi trong hành vi NNT. Kết quả khảo sát dựa trên tài liệu là các hồ sơ thanh tra, kiểm tra của cơ quan thuế cho thấy, việc phân tích chuyên sâu trước khi xác định nội dung kiểm tra NNT còn hạn chế; có trường hợp phân tích không đủ niên độ hoặc nội dung cần thanh tra kiểm tra; không phân tích chỉ tiêu đề xuất nội dung kiểm tra như thuế thu nhập cá nhân; các đánh giá nhận xét vẫn mang tính chung chung, chủ yếu mô tả số liệu và tỷ lệ tăng giảm của các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính, chưa đánh giá được các rủi ro tiềm ẩn khai thuế, quyết toán thuế của doanh nghiệp; chưa phân tích và rút ra được nội dung nghi ngờ cần phải tập trung kiểm tra, chưa làm

rõ và lựa chọn được nội dung trọng tâm cần kiểm tra.

Thứ tư, cơ sở pháp lý hỗ trợ cho việc thu thập, chia sẻ dữ liệu liên ngành còn chưa đầy đủ, đặc biệt liên quan đến quyền truy cập thông tin ngân hàng, thông tin doanh nghiệp từ các cơ quan khác. Điều này làm hạn chế khả năng khai thác dữ liệu để xây dựng hồ sơ rủi ro toàn diện cho người nộp thuế (Pham & Tran, 2023). Kết quả khảo sát quản lý thuế thu nhập cá nhân của cơ quan thuế cho thấy do chưa được chia sẻ dữ liệu đầy đủ dẫn đến có hàng chục nghìn trường hợp cá nhân có từ hai nguồn thu nhập trở lên chưa được quyết toán thuế.

Bài học kinh nghiệm ứng dụng phân tích rủi ro người nộp thuế

Nhiều quốc gia đã phát triển thành công các mô hình quản lý rủi ro tuân thủ thuế dựa trên những nguyên tắc chung. Quy trình quản lý rủi ro điển hình bao gồm các bước: xác định các lĩnh vực rủi ro trọng yếu, thu thập thông tin và phân tích để đánh giá mức độ rủi ro (xác suất và ảnh hưởng của rủi ro), phân loại ưu tiên các rủi ro cần xử lý, thực hiện các biện pháp kiểm soát – xử lý phù hợp, và cuối cùng là theo dõi, đánh giá hiệu quả để hiệu chỉnh quy trình (OECD, 2004). Mô hình “vòng đời quản lý rủi ro tuân thủ” do OECD (2004) đề xuất nhấn mạnh tính liên tục của chu trình, trong đó kết quả đánh giá ở mỗi chu kỳ được sử dụng để điều chỉnh chiến lược cho chu kỳ tiếp theo. Nhiều nước như Anh, Úc và New Zealand đã áp dụng phương pháp phân tích dữ liệu và chấm điểm rủi ro để xếp hạng NNT, từ đó tập trung nguồn lực vào các đối tượng có rủi ro cao (Braithwaite, 2003; Gangl và cộng sự, 2015). Chẳng hạn, Cơ quan Thuế Úc đã phát triển “Khung phân loại rủi ro” (Risk Differentiation Framework - RDF) nhằm phân nhóm doanh nghiệp theo mức độ rủi ro và ảnh hưởng, từ đó lựa chọn chiến lược thanh tra phù hợp. Tương tự, nhiều nước phát triển đã triển khai hệ thống chấm điểm rủi ro tự động dựa trên các chỉ số như lịch sử tuân thủ, quy mô giao dịch, ngành nghề kinh doanh, v.v..., kết hợp với các công nghệ như phân tích mạng lưới, trí tuệ nhân tạo nhằm phát hiện dấu hiệu bất thường.

Từ kinh nghiệm thực tiễn của các quốc gia có hệ thống quản lý rủi ro thuế thành công, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm phát triển quản lý thuế ở Việt Nam.

Đầu tiên, việc xây dựng hệ thống dữ liệu lớn (big data) toàn diện và cập nhật là nền tảng quyết định hiệu quả phân tích rủi ro. Cơ quan thuế Úc và New Zealand đã đầu tư mạnh vào việc tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn như ngân hàng, cơ quan đăng ký doanh nghiệp, cơ quan hải quan, và mạng lưới thanh toán điện tử để hình thành bức tranh tổng thể về hành vi kinh tế của người nộp thuế (Braithwaite, 2003; OECD, 2010).

Thứ hai, việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ khai phá dữ liệu và học máy (machine learning) trong phân tích rủi ro đã giúp các nước như Chile và Ấn Độ phát hiện gian lận thuế với độ chính xác cao, tiết kiệm đáng kể nguồn lực kiểm tra (Baghdasaryan và cộng sự, 2022).

Thứ ba, để phát huy hiệu quả mô hình phân tích rủi ro, cần thiết lập quy trình cập nhật mô hình liên tục dựa trên kết quả thực tế kiểm tra, phản hồi từ thanh tra viên và sự thay đổi hành vi người nộp thuế. Các quốc gia thành công đều xây dựng cơ chế đánh giá lại bộ tiêu chí rủi ro định kỳ, tối thiểu hàng năm, nhằm duy trì tính thời sự và độ chính xác của mô hình (OECD, 2004; Gangl và cộng sự, 2015). Ngoài ra, cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng phân tích dữ liệu, vận hành mô hình cho cán bộ thuế. Cơ quan thuế Anh đã thiết lập các chương trình đào tạo chuyên sâu về phân tích rủi ro, học máy và khoa học dữ liệu cho thanh tra viên thuế ngay từ năm 2012, giúp cán bộ có thể chủ động vận dụng công nghệ vào thực tiễn (Alm, 2019).

Cuối cùng, việc xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước về chia sẻ dữ liệu, bảo mật thông tin và xác thực dữ liệu liên ngành là điều kiện tiên quyết để hệ thống quản lý rủi ro vận hành trơn tru và hiệu quả (OECD, 2010; Nguyen & Doan, 2022).

Kết luận: Tổng hợp từ lý thuyết, thực tiễn quốc tế và kinh nghiệm trong nước, có thể khẳng định rằng việc áp dụng mô hình phân tích rủi ro người nộp thuế là một xu thế tất yếu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế tại Việt Nam. Mặc dù còn đối mặt với không ít thách thức về dữ liệu, công nghệ, năng lực cán bộ và cơ sở pháp lý, nhưng với sự chủ động trong việc học tập kinh nghiệm quốc tế, kết hợp với cải cách nội bộ phù hợp, mô hình quản lý rủi ro người nộp thuế tại Việt Nam hoàn toàn có thể phát huy vai trò quan trọng trong việc phát hiện, ngăn ngừa gian lận thuế, thúc đẩy tuân thủ tự nguyện, đồng thời nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý tài chính công.

Tài liệu tham khảo:

- Allingham, M. G., & Sandmo, A. (1972). Income tax evasion: A theoretical analysis. *Journal of Public Economics*, 1(3-4), 323-338.
- Alm, J. (2019). What motivates tax compliance? *Journal of Economic Surveys*, 33(2), 353-388.
- Baghdasaryan, V., Davtyan, H., Sarykanyan, A., & Navasardyan, Z. (2022). Improving tax audit efficiency using machine learning: the role of taxpayer's network data in fraud detection. *Applied Artificial Intelligence*, 36(1), 2012002.
- Braithwaite, V. (2003). Dancing with tax authorities: Motivational postures and non-compliant actions. In V. Braithwaite (Ed.), *Taxing democracy: Understanding tax avoidance and evasion* (pp. 15-39). Ashgate.
- Gangl, K., Hofmann, E., & Kirchler, E. (2015). Tax authorities' interaction with taxpayers: A conception of compliance in social dilemmas by power and trust. *New Ideas in Psychology*, 37, 13-23.
- Kirchler, E. (2007). *The economic psychology of tax behaviour*. Cambridge University Press.
- Nguyen, T. D., & Doan, X. H. (2022). Risk-based tax administration in Vietnam: Practices and challenges. *Asian Journal of Accounting Research*, 7(2), 134-150.
- Nguyen, T. D., Tran, T. T., & Pham, H. T. (2023). Application of machine learning in tax fraud detection in Vietnam. *Journal of Risk and Financial Management*, 16(4), 201.
- Nguyen, T. L., & Nguyen, M. H. (2021). Risk management in tax inspection and audit: Current situation and recommendations for Vietnam. *Journal of Asian Business and Economic Studies*, 28(1), 55-69.
- OECD. (2004). *Compliance Risk Management: Managing and Improving Tax Compliance*. Centre for Tax Policy and Administration, OECD Publishing.
- OECD. (2010). *Understanding and Influencing Taxpayers' Compliance Behavior*. Centre for Tax Policy and Administration, OECD Publishing.
- Pham, H. T., & Tran, T. T. (2023). Risk-based tax audit in Vietnam: Lessons from international experience. *Journal of Accounting and Taxation*, 15(2), 75-86.
- Torgler, B. (2011). *Tax morale and compliance: Review of evidence and policy implications*. World Bank Policy Research Working Paper No. 5922.